

Trong thời gian qua, từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, việc giảng dạy sinh viên ngành quản trị kinh doanh ở trường ta đã có những bước tiến to lớn:

Từ những giảng viên được đào tạo trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung không hề có kiến thức về quản trị kinh doanh và nền kinh tế thị trường chúng ta đã tự mày mò tìm hiểu để đào tạo và đáp ứng những đòi hỏi của nền kinh tế trong quá trình đổi mới trong thời gian qua. Những sinh viên ngành quản trị kinh doanh ra trường đã được xã hội công nhận và trọng dụng thể hiện ở tỷ lệ có việc làm và mức lương cũng như sự thăng tiến về địa vị của họ trong xã hội.

Từ những chương trình chủ yếu được xây dựng dựa trên cơ sở tìm hiểu chương trình đào tạo quản trị kinh doanh của các nước và chủ yếu là dựa vào khả năng sẵn có của đội ngũ cán bộ giảng dạy đến nay đã có sự tiến bộ và ngày càng hoàn thiện.

Những nỗ lực của đội ngũ cán bộ

thống, cổ điển trong đào tạo. Đặc trưng của cách tiếp cận này là:

1. Quá trình học tập của sinh viên vẫn là thụ động (mặc dù chúng ta thường nói "biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo"), trách nhiệm của sinh viên vẫn là: trên lớp im lặng lắng nghe thầy cô giảng bài.

2. Việc học tập của sinh viên bị phụ thuộc rất lớn vào thầy cô giáo. Nếu thầy cô chịu khó đọc, tìm tòi và nghiên cứu thì sinh viên luôn có những kiến thức mới và cập nhật. Trong thực tế hiện nay, khối lượng công tác của giáo viên trong khoa và trường là rất lớn, khả năng tiếp cận với thực tiễn kinh doanh còn giới hạn và điều kiện về thông tin tài liệu thiếu đã gây cản trở cho quá trình này.

3. Chương trình giảng dạy được xây dựng theo thời khóa biểu được cố định theo tuần và bài giảng của giáo viên được xây dựng theo lịch trình cố định. Điều này có ưu điểm là bảo đảm tính thống nhất của nội dung đào tạo song nó thiếu năng động và không phù hợp với đặc điểm cá nhân của sinh viên trong học tập.

4. Hệ thống sách giáo khoa, tài liệu tham khảo thiếu và lạc hậu. Nhiều môn học hiện nay vẫn chưa có tài liệu cho sinh viên tham khảo. Các giảng viên đã cố gắng to lớn trong việc biên soạn tài liệu học tập song do phương pháp là cung cấp thông tin nên chính các thầy cô cũng ngại viết hết những điều mình biết. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều tài liệu về quản trị kinh doanh song nhiều tài liệu được phát triển bởi những người thiếu kiến thức về chuyên môn dịch từ sách nước ngoài và đặc biệt là những tài liệu lạc hậu.

5. Với phương pháp cung cấp kiến thức và thông tin trong giảng dạy sinh viên có thể có những kiến thức tốt, song điều đòi hỏi ở họ khi ra trường không chỉ có kiến thức mà còn là các kỹ năng thì không đáp ứng được. Chúng ta nghĩ gì khi nhiều sinh viên khi ra trường bàn đến cái gì cũng biết, cái gì cũng góp ý được song giao cho một công việc cụ thể thì lúng túng không làm được và phải có một thời gian dài mới thích ứng được với môi trường kinh doanh. Ngay cả những kiến thức dù mới nhất cũng rất mau chóng trở nên lạc hậu trước thực tiễn phát triển hiện nay.

Với những đặc trưng của phương pháp "thầy giáo là trung tâm", quá trình đào tạo không thể đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn kinh doanh năng động và làm thui chột quá trình sáng tạo của sinh viên. Điều này đã được các nhà nghiên cứu về giáo dục khẳng định.

II. ĐỔI MỚI VIỆC DẠY VÀ HỌC

Từ nhược điểm của phương pháp giảng dạy "thầy giáo là trung tâm", hệ thống giáo dục của các nước phát triển và khu vực đã chuyển sang phương pháp lấy "sinh viên là trung tâm" hay phương pháp học tập "dựa trên môi trường" (2). Sự khác biệt chủ yếu giữa hai phương pháp tiếp cận của quá trình đào tạo là gì? Đó chính là quan hệ của người học với các nguồn của chỉ dẫn (các nguồn kiến thức, thông tin và chuyên môn khác nhau). Sinh viên chuyển từ việc được dạy sang việc tự học. Sinh viên làm chủ quá trình học tập của mình dựa trên những nguồn, những cơ sở khác nhau để nâng cao những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho bản thân mình.

1. Lý do chuyển sang hệ thống giảng dạy học tập dựa vào môi trường

a. Tính kém hiệu quả của hệ thống giảng dạy học tập truyền thống lấy "thầy giáo là trung tâm".

b. Sự cần thiết của việc thiết kế hệ thống dạy - học phù hợp với những đặc tính học tập của sinh viên và của xã hội hiện đại:

Lý luận học tập và các hình thức học tập: học tập là sự thay đổi hành vi mà điều này là kết quả của

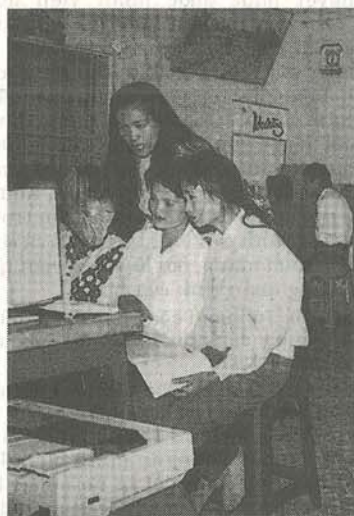
ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY - HỌC TẬP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO SINH VIÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Thạc sĩ NGUYỄN HỮU LAM

giảng dạy của khoa trong thời gian qua là rất to lớn và đáng khích lệ song dường như khi chúng ta càng cố gắng thì chúng ta càng cảm thấy luôn có một sự hụt hẫng và vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội (nhu cầu xã hội phát triển quá nhanh). Tất nhiên, chất lượng cao phụ thuộc vào rất nhiều vấn đề cần được nghiên cứu một cách nghiêm túc và giải quyết một cách đồng bộ không thể trong một thời gian ngắn. Song việc dạy và học là điểm trung tâm của quá trình này. Trên quan điểm của một giảng viên, cho phép tôi được trình bày một số suy nghĩ của mình trong vấn đề này.

I. THỰC TRẠNG CỦA VIỆC DẠY VÀ HỌC HIỆN NAY: THẦY GIÁO LÀ TRUNG TÂM

Phương pháp chủ yếu trong giảng dạy hiện nay vẫn là cung cấp kiến thức và thông tin hay phương pháp "học tập dựa trên thầy giáo" (1). Thực ra đây là cách tiếp cận truyền



những kinh nghiệm. Khi sự thay đổi hành vi diễn ra có nghĩa là quá trình học tập diễn ra. Ba cách học của con người là (1) học theo công thức - theo kiểu kỹ thuật; (2) học thông qua giải thích giảng giải; (3) học sau khi học.

Mục tiêu của việc học tập của con người là làm sao họ có những hành vi tốt cần thiết cho cuộc sống hiện tại và tương lai của chính họ. Tính thực tiễn và hữu ích của nội dung và chương trình đào tạo là điểm quyết định hiệu quả đào tạo và quyết định mức độ động viên học tập của sinh viên. Điều này đòi hỏi thiết kế hệ thống học tập phải dựa vào môi trường và sử dụng một cách tổng hợp cả ba cách học tập.

Tự học và học sau khi học đóng vai trò quan trọng trong khi ở trường cũng như sau khi ra trường. Trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật diễn ra với tốc độ như vũ bão và trong điều kiện của môi trường kinh doanh có sự thay đổi rất nhanh chóng, tất cả những kiến thức mau chóng trở nên lạc hậu. Làm cho người học có một phong cách không ngừng học tập là rất quan trọng trong cuộc sống sau này.

c. Đối với hoạt động khoa học nói chung và những môn khoa học thuộc những vấn đề kinh tế và quản lý thì quá trình trao đổi, tranh luận, suy nghĩ và giải các vấn đề, sự kiện không diễn ra thì khó có thể nắm vững các khái niệm cũng như khó có được cách hành động đúng.

d. Phát huy tính chủ động sáng tạo và tự chịu trách nhiệm của sinh viên. "Không ai có thể dạy anh ngoài anh ra" là một triết lý mà nhiều nhà giáo dục cho là chính xác. Chuyển sang hệ thống học tập dựa trên môi trường giúp sinh viên thấy rõ hơn vai trò và lợi ích của việc học, cũng như giúp sinh viên khai thác tốt hơn các nguồn kiến thức trong xã hội phục vụ việc học tập của chính mình.

e. Khai thác hữu hiệu các nguồn kiến thức và thông tin cho việc nâng cao hiệu quả đào tạo. Thực tiễn kinh doanh hiện nay là rất sinh động, chúng ta đang trong một thế giới bùng nổ thông tin - môi trường cực kỳ thuận lợi cho việc sử dụng các nguồn kiến thức và thông tin tốt nhất cho việc học tập, phát huy được các phương pháp giảng dạy học tập khác nhau: Học theo vấn đề (3), nghiên cứu tình huống (4), thảo luận nhóm (5) (những ví dụ cụ thể của việc học ngoại ngữ và vi tính hiện nay của sinh viên tại trường ta thể hiện rõ vấn đề này).

f. Thảo mãn nhu cầu cá nhân hóa cao và tính đa dạng của thực tiễn kinh doanh. Tính tiêu chuẩn hóa và cá nhân hóa của chất lượng đào tạo luôn là một vấn đề lớn. Hệ thống cổ điển cho phép tiêu chuẩn hóa cao trong khi

đó tính thích ứng kém.

2. Những biện pháp cần thực hiện

a. Xác định chính xác, rõ ràng mục tiêu đào tạo: Các kiến thức và kỹ năng cần thiết của từng cấp đào tạo, từng chuyên ngành đào tạo tối thiểu cần thiết phải đạt được (người tốt nghiệp là ai? họ cần những kiến thức và kỹ năng gì?)

Các mục tiêu đào tạo không nên cứng nhắc, cố định mà nên được xem xét, đánh giá và thường xuyên hoàn thiện cho phù hợp với xu thế phát triển của thực tiễn kinh doanh.

Nhu cầu gắn chặt với xã hội và các đơn vị kinh doanh: mối các cơ quan thực tế đến trường báo cáo, các nghiên cứu khoa học của giáo viên. Nên chăng có hợp đồng tay ba giữa sinh viên - cơ quan thực tế - nhà trường trong đào tạo sinh viên.

Nhu cầu nhận thông tin phân hồi từ xã hội, từ cựu sinh viên và từ sinh viên về nội dung chương trình đào tạo của ngành, môn học. Ở đây, trong kinh nghiệm của các nước, hội cựu sinh viên đóng vai trò quan trọng.

Phát huy vai trò của Đoàn thanh niên và Hội sinh viên trong phản ánh nhu cầu của sinh viên.

b. Nhanh chóng áp dụng hệ thống đào tạo theo tín chỉ

Mở rộng và phát huy quyền của sinh viên và vai trò chủ động của họ trong học tập: quyền chọn ngành học, môn học, thầy giáo, nội dung và phương pháp học tập.

Đổi mới hệ thống quản lý và phục vụ để đáp ứng tốt đòi hỏi của đào tạo theo tín chỉ.

c. Xác định chính xác đặc điểm của sinh viên: Với mục tiêu đào tạo đã xác định, việc thiết kế nội dung và chương trình đào tạo chỉ có thể xác định chính xác khi hiểu đúng về đặc điểm của người học về các mặt như trình độ, kinh nghiệm, điều kiện học tập... Ở đây cần có sự phối hợp giữa những người thiết kế chương trình cho một chuyên ngành với giáo viên. Đặc biệt, cấp thiết kế bài giảng (giáo viên) đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Muốn vậy, nên tăng cường thu thập những thông tin phản hồi từ sinh viên.

d. Nội dung và chương trình đào tạo

Thiết kế một hệ thống mở, năng động, xác định rõ những môn bắt buộc cho mỗi chuyên ngành đào tạo. Việc thiết kế một khung chương trình đào tạo chung của trường, của từng chuyên ngành là một đòi hỏi tối thiểu của một trường đại học.

Mở rộng danh mục các môn tự chọn trong quá trình đào tạo: Một hệ thống chương trình dù được thiết kế tốt đến đâu cũng không thể đáp ứng được đòi hỏi rất đa dạng của thực tiễn kinh doanh và yêu cầu cụ thể về kiến

thức và kỹ năng của từng cá nhân. Mở rộng danh mục các môn tự chọn cho phép đáp ứng được đòi hỏi này.

Xác định rõ ràng và thực hiện đúng trình tự các môn học cũng như nội dung và trình tự trong từng môn học.

Khuyến khích sinh viên đề xuất các chủ đề nghiên cứu và học tập theo đề nghị của sinh viên.

e. Đa dạng hóa và sử dụng tổng hợp các phương pháp dạy học trong quá trình đào tạo: Trên cơ sở mục tiêu đào tạo và nội dung chương trình đã xác định, cần xác định các phương pháp phù hợp để thực hiện được mục tiêu và chuyển tải được các nội dung. Ở khâu này, giáo viên trực tiếp giảng dạy có một vai trò đặc biệt quan trọng.

f. Các phương tiện vật chất phục vụ quá trình dạy học:

Khung chương trình, nội dung và chương trình đào tạo nên in ra và thông báo cho giáo viên, sinh viên biết như một tài liệu chính thức giúp mọi người có một nhận thức chung định hướng cho các hoạt động dạy học.

Mô tả môn học, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, tạp chí, báo, video, computer, projector, slide projector, case study...

Có sự hỗ trợ thích đáng và khuyến khích giáo viên phát triển các phương tiện giảng dạy.

Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, tư liệu đặc biệt là tạp chí chuyên ngành và sự gắn liền với các đơn vị kinh doanh làm ăn có hiệu quả.

g. Thay đổi hệ thống giám sát của nhà trường và hệ thống đánh giá của giáo viên đối với sinh viên: hệ thống đánh giá phải thực hiện tốt chức năng động viên khuyến khích người học sử dụng các hình thức khác nhau, các nguồn khác nhau để đạt tới kiến thức và kỹ năng tốt nhất.

h. Đào tạo và phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng đòi hỏi của quá trình dạy học: Hiện nay trường ta đang có những chương trình hợp tác với nước ngoài, ta nên tranh thủ các chương trình đó hỗ trợ ta trong việc phát triển các phương pháp giảng dạy. Thay đổi hành vi của thầy cô giáo từ người dạy sang người giới thiệu, khai thông, giúp đỡ, động viên sinh viên học tập.

i. Tạo ra môi trường tích cực khuyến khích sinh viên học tập sáng tạo. Hình thành một phong cách học tập mới

- (1) Teacher-based learning
- (2) Environment-based learning
- (3) Problem-based learning
- (4) Case-study
- (5) Group discussions